

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 364/2024/DS-PT

Ngày 16-7-2024

V/v yêu cầu bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng, yêu cầu chấm dứt
hành vi trái pháp luật

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc

Ông Nguyễn Trung Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:**
Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02, 09 và 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc “yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm 237/2024/QĐ-PT ngày 06/6/2024, Quyết định ngừng phiên tòa phúc thẩm số 51/2024//QĐ-PT ngày 02/7/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bò Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: số 089B, tổ 2, khu phố 1, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- **Bị đơn:** Bà Tổng Mỹ Lệ D, sinh năm 1975; địa chỉ: số nhà 1006, lầu 10, lô A, khu chung cư T, tổ 8, khu phố 1, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê Công Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: địa chỉ: số nhà 1006, lầu 10, lô A, khu chung cư T, tổ 8, khu phố 1, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1949; địa chỉ: tổ 3, khu phố 1, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Bà Bò Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Bò Thị H trình bày:

Bà Bò Thị H đang quản lý, sử dụng thửa đất số 83, tờ bản đồ số 27, tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Ngày 13/01/2023, Bà Tổng Mỹ Lệ D thông báo với bà H là hai ngày sau, bà D sẽ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất giáp ranh thửa đất số 83 của bà H và sẽ chặt cây khế của bà Hải. Bà H đã làm đơn gửi Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) phường U yêu cầu ngăn chặn việc bà D chặt cây khế nhưng ngày 16/01/2023, bà D vẫn đưa xe cẩu, cho người chặt cây khế. Chính quyền địa phương có xuống hiện trạng nhưng không ngăn chặn mà để bà D cho người chặt cây khế và đem cây khế đi. Vì vậy, bà H đã làm đơn gửi UBND phường U, Công an phường U, Công an thành phố T tố cáo hành vi của bà Dung.

Sau đó, UBND phường U đã ban hành Công văn số 61/UBND-TD ngày 20/02/2023 và Công văn số 15/UBND-TD ngày 24/4/2023 xác định cây khế nằm trên đất của bà D, bà D có quyền chặt. Bà H đã khiếu nại, UBND phường U ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 giữ nguyên Công văn số 15/UBND-TD ngày 24/4/2023 với nội dung xác định cây khế nằm trên đất của bà D, bà D có quyền chặt, nếu không đồng ý với quyết định của UBND phường thì có quyền khởi kiện ra Tòa án.

Bà H tiếp tục khiếu nại lên UBND thành phố T, UBND thành phố T xác định quyết định của UBND phường U là đúng, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thành phố T thì có quyền khởi kiện ra Tòa án.

Cây khế này bà H xác định có từ đời ông nội bà trồng để lại cho bà chăm sóc và bảo quản; thu hoạch là nguồn thu nhập chính của bà, cây khế này có đến nay đã trên sáu mươi năm tuổi, phần thân cây bị bà D cắt có đường kính 125cm, phần gốc cây khế có đường kính 145cm, chiều dài cây khế từ phần gốc cây đến phần bị cắt 142cm, đường kính phần giữa thân cây khế từ gốc cây khế đến phần bị bà D cắt 123cm.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà Tổng Mỹ Lệ D phải bồi thường thiệt hại về tài sản (cây khế) cho bà H với giá trị 100.000.000 đồng và phần thu nhập của cây khế trong 03 tháng (tháng 2, 3, 4 năm 2020) kể từ lúc bà D cố ý hủy hoại tài sản nhiều lần có tổ chức, tự ý chặt cây vào ngày 16/01/2023 là 6.300.000 đồng, tổng cộng 106.300.000 đồng.

Ngoài ra, bà H cũng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về các quyết định hành chính của UBND thành phố T, UBND

phường U, yêu cầu TAND tỉnh Bình Dương hủy các quyết định của UBND phường U, UBND thành phố T. Bà H xác định hai vụ án trên hoàn toàn độc lập với nhau.

Bà H đưa ra trị giá cây khế bị bà D chặt trị giá 100.000.000 đồng, vì cách đây ba năm có người hỏi mua cây khế này với giá 100.000.000 đồng nhưng bà H không bán vì nghĩ đây là tài sản của ông nội để lại cho con cháu. Hôm nay cây khế bị bà D chặt phá hủy hoại làm thiệt hại cho đời sống sinh hoạt và làm nghĩa vụ đóng thuế Nhà nước. Ngoài ra, thu nhập hàng ngày của bà H từ việc bán khế bà H xác định như sau: Bà H hái trái bán hàng tuần, một tuần bà H thu hoạch được 25kg khế, đem bán với giá 30.000 đồng/kg. Cây khế của gia đình đã có trên 60 năm, là nguồn thu nhập chính của gia đình bà Hải, bà D không trồng mà cố ý chặt phá mặc dù bà H đã nhiều lần cảnh báo không được chặt, làm đơn nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng vẫn không ngăn chặn được hành vi chặt phá của bà D dẫn đến hậu quả giá trị tài sản nguồn thu nhập của gia đình bà H bị mất vĩnh viễn, bà Hyêu cầu Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Bà H yêu cầu bà D bồi thường giá trị của cả cây khế mặc dù hiện nay chỉ còn gốc khế cao khoảng 1,4m do bà D đã chặt cây khế. Do đó, hành vi của bà D gây thiệt hại hoàn toàn cho bà H. Hiện nay gốc khế đã đâm chồi non lên nhưng không biết khi nào cây có trái. Bà H xác định hành vi của bà D là hủy hoại tài sản của bà H.

Hành vi hủy hoại tài sản của bà D thì bà H đã nộp đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự tại cơ quan Công an thành phố T. Tuy nhiên, bà H cũng khởi kiện bà D vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân thành phố T theo hướng dẫn của UBND phường U, bà H vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại về việc cố ý hủy hoại tài sản. Đề nghị Tòa án căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà H để giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Bà Bô Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Bà Tống Mỹ Lệ D trình bày:

Bà D là chủ sử dụng thửa đất số 85, tờ bản đồ số 27, tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS13288 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/01/2023. Nguồn gốc đất, bà D nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Thị V. Bà D thừa nhận có cho người đến chặt cây khế như bà H trình bày. Bà D xác định khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà đã thấy cây khế tồn tại phía bên trong hàng rào kẽm gai trong phần đất nhận chuyển nhượng. Chủ đất cũ là bà V cũng xác định cây khế này đã tồn tại từ lâu, tự mọc. Bà D muốn xây lại hàng rào để bảo vệ đất và có thông báo cho bà H về việc xây hàng rào vì bà H là chủ đất giáp ranh, bà D không có nhu cầu sử dụng cây khế nên muốn chặt bỏ. Khi xây ranh, bà D có thông báo cho địa chính phường U xuống đo đạc đất, sau khi có trích lục địa chính, bà D tiến hành xây dựng hàng rào. Bà D không biết nguồn gốc cây khế nhưng cây khế nằm trên đất của bà D

nhận chuyển nhượng từ bà V, bà V xác nhận cây khế này tự mọc, chính quyền địa phương cũng xác nhận cây khế tự mọc.

Khi bà D cho xe cẩu và người xuống chặt cây khế thì bà H đã nộp đơn lên UBND phường U khiếu nại. Sau khi, UBND phường giải quyết khiếu nại của bà H xác định cây khế nằm trên đất của bà D thì tháng 4/2023 bà D tiếp tục cho người đến chặt cây khế nhưng bà H ngăn cản, không cho bà D cưa cây. UBND phường U có tổ chức hòa giải vào ngày 19/4/2023 nhưng kết quả hòa giải không thành. Ngày 24/4/2023, UBND phường U có Công văn số 15/UBND-TD yêu cầu bà D tạm ngừng xây dựng tường rào đến khi có kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền. Từ đó đến nay bà D không thực hiện bất cứ hành vi gì chặt phá cây khế và xây dựng hàng rào. Bà D chỉ cưa phần trên của cây khế, phần gốc khế vẫn còn tồn tại cao khoảng 1,4m tính từ gốc lên.

Bà D cho rằng cây khế này không phải của bà H nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 27/10/2023, bà D có đơn phản tố yêu cầu Tòa án buộc bà Bô Thị H chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật cản trở, ngăn cản bà D xây dựng hàng rào, các công trình trên đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà D. Ngày 20/02/2024, bà D có đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lê Công Đ trình bày:

Ông Đ thống nhất trình bày của bị đơn bà Tống Mỹ Lệ D, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị V trình bày:

Trước đây, bà Phạm Thị V là chủ sử dụng thửa đất số 85, giáp ranh với thửa đất số 83 mà bà H đang sử dụng. Đất có nguồn gốc bà V nhận chuyển nhượng từ năm 1979. Khi nhận chuyển nhượng, trên đất có nhà ở, hàng rào kẽm gai xung quanh đất, do chủ đất cũ xây dựng. Quá trình sinh sống trên đất, phía sau thửa đất là đất trống, cây tự mọc, không có người chăm sóc. Cây khế tranh chấp cũng tự mọc khoảng 20 - 30 năm tuổi và ngay ranh giữa thửa đất số 85 và 83, nhưng nằm trên thửa đất số 85, không ai chăm sóc, thu hoạch cây khế từ trước đến nay. Đến năm 2022, bà V chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 85 cho bà D. Bà V có nói cho bà D biết cây khế này tự mọc trên đất, bà D có thể tùy ý xử lý. Sau đó, giữa bà Dung, bà H xảy ra tranh chấp như thế nào thì bà V không rõ. Bà V đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 217, Điều 227, Điều 228, Điều 243, Điều 244, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 194, 604 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bò Thị H đối với bị đơn bà Tống Mỹ Lệ D về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Tống Mỹ Lệ D đối với nguyên đơn bà Bò Thị H về việc yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật.

3. Về chi phí định giá: Bà Bò Thị H phải chịu số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp (đã thực hiện xong).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Bò Thị H được miễn án phí. Trả cho bà Bò Thị H 2.657.500 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008219 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trả cho bị đơn bà Tống Mỹ Lệ D 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001634 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 22/4/2024 nguyên đơn bà H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; tại phiên tòa ngày 02/7/2024, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; tại phiên tòa ngày 09/7/2024, bị đơn bà D yêu cầu giải quyết vắng mặt; tại phiên tòa ngày 16/7/2024 bà D có mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị tạm ngừng phiên tòa, xác minh tại Công an thành phố T có khởi tố vụ án không.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Tống Mỹ Lệ D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị V, ông Lê Công Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[1.2] Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bị đơn có yêu cầu phản tố theo đơn phản tố ngày 26/10/2023, đơn phản tố sửa đổi bổ sung ngày 06/11/2023, yêu cầu nguyên đơn chấm dứt hành vi trái pháp luật về việc cản trở bị đơn sử dụng đất; ngày 20/02/2024, bị đơn có đơn rút yêu cầu phản tố; Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng pháp luật.

[1.3] Ngày 03/7/2024, nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Xem xét thẩm định tại chỗ; hủy bản vẽ kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 85, tờ bản đồ số 27 ngày 27/02/2017; hủy bản vẽ trích lục địa chính ngày 28/02/2017 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã T; hủy Công văn số 61/UBND-TU ngày 20/02/2023 của UBND phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương; hủy Công văn số 15/UBND-TU ngày 24/4/2023 của UBND phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương; hủy Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 Chủ tịch UBND phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương; hủy Quyết định số 3761/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương; hủy GCNQSDĐ số CS13288 ngày 05/01/2023 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Tổng Mỹ Lệ D. Xét, các yêu cầu hủy các văn bản trên vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chưa được xem xét giải quyết ở cấp sơ thẩm, nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét giải quyết. Đối với yêu cầu xem xét thẩm định, thì tại biên bản định giá ngày 03/7/2024, đã mô tả hiện trạng cây khế tranh chấp.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn kháng cáo, lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai yêu cầu của nguyên đơn; không bảo vệ thành quả của người lao động; quyền và nghĩa vụ hợp pháp của người sử dụng đất liền kề, người sử dụng đất ổn định, lâu dài bị xâm phạm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

[2.1] Xét, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do bị đơn chặt cây khế của nguyên đơn với số tiền 100.000.000 đồng và phần thu nhập của cây khế trong 03 tháng (tháng 2, 3, 4 năm 2020) là 6.300.000 đồng, tổng cộng 106.300.000 đồng; nguyên đơn xác định không tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) với bị đơn; ngoài ra không còn yêu cầu gì khác. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 604 Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại do cây cối gây ra là chưa phù hợp quy định pháp luật, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết yêu cầu của nguyên đơn, trường hợp này cần xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản theo quy định tại Điều 589 Bộ luật Dân sự. Bà H cho rằng, nội dung đơn khởi kiện của bà H là yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về việc hủy hoại tài sản nhiều lần có tổ chức chứ không phải là bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nhưng giấy triệu tập Tòa án cấp sơ thẩm ghi bà H là nguyên đơn trong vụ án yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nên bà H không đồng ý. Theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là do Tòa án xác định, căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng như nêu trên. Đồng thời, tại Thông báo và chỉ dẫn số 21/TB-VKSTU ngày 13/4/2023 của

Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T trả lại đơn của bà H yêu cầu khởi tố vụ án hình sự về việc bà D cố ý hủy hoại tài sản và các tài liệu kèm theo do tranh chấp giữa bà H và bà D là tranh chấp ranh đất và tài sản gắn liền với đất là tranh chấp dân sự, hướng dẫn bà H gửi đơn đến Tòa án để được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 11/7/2024 của Công an phường U, thành phố T cung cấp thông tin vụ việc của bà H thì Công an đã hướng dẫn bà H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án.

[2.2] Ngày 19/12/2023, nguyên đơn bà H có yêu cầu: Tạo điều kiện cho nguyên đơn yêu cầu cơ quan thẩm định giá có chức năng pháp lý đúng quy định pháp luật để thẩm định giá trị cây khế bị bà D hủy hoại trị giá bao nhiêu tiền; yêu cầu Phòng Kỹ thuật khoa học hình sự Công an tỉnh Bình Dương tiến hành xác định tuổi cây khế. Ngày 23/01/2024, Tòa án cấp sơ thẩm có Công văn số 06/TA-DS trả lời đơn của bà H, việc định giá đã thực hiện đúng quy định pháp luật, nguyên đơn yêu cầu cơ quan chuyên môn định giá lại nhưng bị đơn không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận; đối với việc yêu cầu Phòng Kỹ thuật khoa học hình sự Công an tỉnh Bình Dương giám định tuổi cây, thì Công an tỉnh Bình Dương không có Phòng Kỹ thuật hình sự mà chỉ có Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Bình Dương và không có chức năng giám định tuổi cây (bút lục số 179 – 181).

Ngày 01/02/2024, nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định trung cầu giám định Sinh vật cảnh và độ tuổi cây khế. Ngày 16/02/2024, Tòa án cấp sơ thẩm có Công văn số 92/TA-DS đề nghị bà H xác định yêu cầu cơ quan chuyên môn nào tiến hành giám định tuổi cây (bút lục số 184, 185).

Đơn cung cấp thông tin ngày 20/4/2023 của bà H yêu cầu Hạt Kiểm lâm thành phố T giám định tuổi cây khế, trường hợp Hạt Kiểm lâm thành phố T không có đủ trang thiết bị phương tiện kỹ thuật để thực hiện giám định thì liên kết với Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Dương để giám định tuổi cây. Ngày 29/02/2024, Tòa án cấp sơ thẩm có Công văn số 24/TA-DS trả lời cơ quan kiểm lâm không có chức năng giám định tuổi cây nên việc bà H yêu cầu Hạt Kiểm lâm thành phố T tiến hành giám định là chưa phù hợp (bút lục số 196, 198).

Ngày 20/3/2024, nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu Hạt Kiểm lâm thành phố T, tỉnh Bình Dương, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Dương giám định tuổi cây khế; ngày 21/3/2024, Tòa án cấp sơ thẩm có Công văn số 56/TA-DS trả lời đơn yêu cầu giám định tuổi cây cho bà Hải, căn cứ quy định tại Điều 103, 104, 105, 106 Luật Lâm nghiệp năm 2017 thì cơ quan kiểm lâm không có chức năng giám định tuổi cây nên việc bà H yêu cầu Hạt Kiểm lâm thành phố T, tỉnh Bình Dương, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Dương trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Dương tiến hành giám định là chưa phù hợp (bút lục số 228, 229).

Tại phiên tòa ngày 02/7/2024, bà H không có yêu cầu giám định tuổi cây, đồng thời bị đơn bà D cũng không có yêu cầu giám định tuổi cây nên Tòa án cấp phúc thẩm không thực hiện trung cầu giám định tuổi cây.

[2.3] Theo kết quả định giá ngày 06/12/2023 của Hội đồng định giá thành phố T: Hiện trạng cây khế là phần thân + gốc cao khoảng 1,4m và mọc ra nhiều nhánh cây mới trên phần thân cây cũ, Hội đồng định giá căn cứ Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về ban hành quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cây khế trên 05 năm tuổi có giá 285.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 02/7/2024, nguyên đơn bà H có yêu cầu thẩm định giá cây khế, bị đơn không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu tổ chức có chức năng thẩm định giá thực hiện nên bà H có yêu cầu định giá lại cây khế, theo kết quả định giá ngày 03/7/2024 của Hội đồng định giá tỉnh Bình Dương: Hiện trạng cây khế là phần thân gốc cao khoảng 1,4m và mọc nhiều nhánh cây mới ở trên thân cũ, không còn nguyên vẹn, thời điểm định giá cây khế bị chặt ngang phần thân cây, nên không đủ cơ sở để xác định giá trị. Do đó, Tòa án căn cứ vào biên bản định giá ngày 06/12/2023 để giải quyết vụ án.

[2.4] Bà H trình bày, cây khế do ông nội của bà H trồng làm ranh đất đã có trên 60 năm, bà H tiếp tục quản lý tài sản này, cây khế nằm trên diện tích đất 1.184m² thuộc thửa số 83, được Nhà nước công nhận và thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ từ trước đến nay. Trình bày của nguyên đơn không được bị đơn thừa nhận. Ngoài lời trình bày, nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh cây khế là của ông nội nguyên đơn để lại.

Theo Bản án hành chính sơ thẩm số 62/2023/HC-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc khiếu nại quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại giữa người khởi kiện bà Bò Thị Kim H1, ông Nguyễn Hiệp L, người bị kiện UBND thị xã T, Chủ tịch UBND thị xã T, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bò Thị H; bà H thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 83 là của ông Bò Văn T1 và bà Nguyễn Thị Nh (ông bà nội của bà H) khai phá sử dụng và làm nhà ở. Sau khi ông T1, bà Nh chết thì cha mẹ của bà H1, bà H là ông Bùi Văn H2 và bà Nguyễn Thị V1 tiếp tục quản lý sử dụng nhà đất. Ông H2, bà V1 có 07 người con gồm: Bò Thị H3, sinh năm 1955; Bò Thị H4, sinh năm 1957; Bò Thị Kim H5, sinh năm 1959; Bò Thị L, sinh năm 1960; Bò Thị H, sinh năm 1963; Bò Thị H6, sinh năm 1966; Bò Thị H7, sinh năm 1968 (chết năm 1972). Quá trình quản lý sử dụng, bà H là người thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Hiện trạng và quá trình quản lý sử dụng thửa đất số 83: Trên đất phía trước có xây dựng 01 tường rào gắn cổng ra vào với biển hiệu “Nhà thờ gia tộc” do bà H xây dựng năm 2020, 01 căn nhà cấp 4 do ông T1, bà Nh xây dựng trước năm 1968, được bà H sửa chữa lại năm 1998 để ở cho đến nay và 04 ngôi mộ gồm: bà Nguyễn Thị Nh, ông Bò Văn H1, bà Nguyễn Thị V2, bà Bò Thị H3. Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Huê, ông Long về việc hủy các quyết định hành chính, đình chỉ xét xử yêu cầu công nhận thửa đất 83 là của bà H1, ông L. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H trình bày, vụ án trên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như vậy, theo trình bày của bà H thì thửa đất số 83 là tài sản của ông H2, bà V1 chết để lại, chưa phân chia cho các thừa kế của ông H2, bà

V1; bà H là người quản lý sử dụng đất, đất hiện nay đã bị thu hồi giấy chứng nhận do cấp không đúng đối tượng nên bà H không phải là chủ sử dụng thửa đất số 83 theo quy định pháp luật.

Bà Tống Mỹ Lệ D là chủ sử dụng thửa đất số 85, tờ bản đồ số 27, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS13288 ngày 05/01/2023, đất có tứ cận: Hướng Bắc giáp thửa 83; hướng Tây giáp thửa 86; hướng Nam giáp đường đất; hướng Đông giáp thửa 84, 139. Ngày 16/01/2023, bị đơn tiến hành cắt bỏ phần thân cây khế để xây hàng rào thì xảy ra tranh chấp. Quá trình hòa giải tại UBND phường U đã tiến hành trưng cầu đo đạc thực tế để xác định vị trí cây khế. Kết quả tại mảnh trích lục địa chính (có đo đạc chính lý) ngày 20/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên thể hiện cây khế nằm trên thửa đất số 85. Bà D xác định khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị V thì đã có cây khế thuộc phần đất nhận chuyển nhượng, bà V cho rằng cây khế thuộc phần đất bà V sử dụng và đã chuyển nhượng cho bà D, cây khế là tự mọc không ai trồng và bà V cũng không có thu hoạch cây khế. Tòa án cấp sơ thẩm, xác định cây khế là tài sản gắn liền thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Dung, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại giá trị cây khế 100.000.000 đồng và giá trị thu hoạch cây khế 6.300.000 đồng là có căn cứ.

Bà H xác định không tranh chấp quyền sử dụng đất với bà D, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật chưa chính xác cần điều chỉnh lại.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo được miễn nộp do là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Bò Thị H.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bò Thị H đối với bị đơn bà Tống Mỹ Lệ D về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (về tài sản).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Bò Thị H về việc yêu cầu bà Tống Mỹ Lệ D bồi thường thiệt hại về tài sản, số tiền 106.300.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

2.2. Về chi phí định giá: Cấp sơ thẩm 3.000.000 đồng + cấp phúc thẩm 2.000.000 đồng, tổng cộng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Bà Bò Thị H phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp (bà H đã thực hiện xong).

3. Giữ nguyên một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.1. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Bà Tống Mỹ Lệ D đối với nguyên đơn Bà Bò Thị H về việc yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật.

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bò Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm, trả cho bà Bò Thị H 2.657.500 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008219 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trả cho bà Tống Mỹ Lệ D 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001634 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bò Thị H được miễn nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên Hằng